TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày 28 -11 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quý

Ông Trương Sáng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2022/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C (gọi tắt: Ngân hàng);

Địa chỉ trụ sở: Số 169 phố L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị M, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện B "có mặt";

Địa chỉ: thôn Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hải Đ, sinh năm 1952 "vắng mặt";

Cư trú: thôn K, xã Ơ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 "vắng mặt";

Cư trú: thôn K, xã Ơ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2022 và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn -bà Vũ Thị M trình bày:

Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện B có cho hộ ông Phạm Hải Đ vay tổng số tiền là 62.000.000 đồng. Cụ thể là:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 26/10/2015, ông Phạm Hải Đ được Ngân hàng C xét duyệt cho vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo; lãi suất trong hạn là 8,25%/năm; lãi quá hạn là 10,725%/năm; phương thức thanh toán 12 tháng/lần; thời hạn vay là 60 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ số 6600000705869935 ngày 26/10/2015. Quá trình vay cho đến ngày khởi kiện, hộ ông Đ đã trả được số tiền nợ gốc là 34.000.000 đồng và tiền lãi là 28.257.077 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 09/11/2022. Số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/11/2022 là 94.027 đồng.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 09/6/2018, ông Phạm Hải Đ được Ngân hàng C xét duyệt cho vay số tiền gốc 12.000.000 đồng chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; lãi suất trong hạn là 9%/năm; lãi quá hạn là 11,7%/năm, phương thức thanh toán 6 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000712969082 ngày 09/06/2018. Quá trình vay cho đến ngày khởi kiện, hộ ông Đ chưa thanh toán bất kỳ tiền nợ gốc và tiền lãi thì hộ ông Đ đã thanh toán được là 4.775.668 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày 09/11/2022. Số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/11/2022 là 56.219 đồng.

Như vậy, ông Đ còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền gốc của các khoản vay nêu trên là 28.000.000 đồng. Tiền nợ lãi của khoản vay ngày 26/10/2015 và khoản vay ngày 09/6/2018 tính đến ngày 28 tháng 11 năm 2022 là 150.246 đồng nhưng ông Đ không có thiện chí trả mặc dù đại diện của Ngân hàng có thông báo trả nợ cũng như làm việc trực tiếp với ông Phạm Hải Đ và bà Nguyễn Thị P nhiều lần.

Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bị đơn ông Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc còn lại là 28.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/11/2022 là 150.246 đồng; yêu cầu ông Đ, bà P tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền nợ gốc chưa trả từ ngày 29/11/2022 đến ngày khách hàng trả hết toàn bộ nợ gốc cho ngân hàng với mức lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng.

Ngoài ra bà M không khai gì thêm.

2. Bị đơn là ông Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với

yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án*: Ngân hàng C khởi kiện ông Phạm Hải Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 26/10/2015 và ngày 09/6/2018. Đây là tranh chấp phát sinh trong việc giao kết hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Ơ, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn là Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P đã được Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại điều 179 nhưng vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu đòi nợ gốc:

Căn cứ vào Sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ký kết giữa Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện B với ông Phạm Hải Đ; Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có cơ sở để khẳng định: Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện B xét duyệt cho ông Phạm Hải Đ vay tổng số tiền gốc là 62.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo ngày 26/10/2015 và chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 09/06/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn ông Phạm Hải Đ đã trả được số tiền nợ gốc là 34.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo ngày 26/10/2015 và còn nợ số tiền gốc là 16.000.000 đồng. Đối với khoản vay chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 09/06/2018, kể từ ngày vay đến nay bị đơn ông Đ chưa trả bất kỳ tiền nợ gốc của khoản vay này.

Hội đồng xét xử, nhận thấy tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng khẳng định bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà P còn nợ tổng số tiền gốc của các khoản vay là 28.000.000 đồng và đã quá hạn thời hạn trả nợ nhưng không có thiện chí trả nợ tiền vay mặc dù đại diện của Ngân hàng đã có thông báo trả nợ cũng như làm việc trực tiếp với hộ ông Đ nhiều lần. Do hộ gia đình ông Đ vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền nợ gốc theo như thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù phía bị đơn là ông Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P không có mặt tại phiên toà nhưng căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện B, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc còn lại của 02 khoản vay là 28.000.000 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi bị đơn phải trả của các khoản vay theo hợp các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 28/11/2022 là 150.246 đồng. Trong đó, tiền lãi chưa trả của số tiền gốc quá hạn 50.000.000 đồng đã trả và còn nợ lại là 16.000.000 đồng tính từ ngày 09/11/2022 đến ngày 28 tháng 11 năm 2022 là 94.027 đồng và số tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng tính từ ngày 09/11/2022 đến ngày 28 tháng 11 năm 2022 là 56.219 đồng là phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết và các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn ông Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện B tính đến ngày 28/11/2022 là 28.150.246 đồng (Trong đó tiền gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi suất là 150.246 đồng).

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 29/11/2022 cho đến khi ông Đ, bà P thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp.

Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 28.150.246 đồng x 5% = 1.407.512 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40, khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 280, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn ông Phạm Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 28.150.246 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi suất là 150.246 đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.407.512 đồng (Một triệu không trăm linh bảy nghìn năm trăm mười hai đồng) ông Phạm Hải Đ và bà Nguyễn Thị P phải chịu.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND, TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công